

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2019.

Về việc: “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn L.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phan Thị H.**

2. Bà: **Lê Thị S.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2018/TLHNGĐ-ST ngày 04/12/2019 về việc “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐHNGĐ-ST ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị HN, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 01, thôn 07, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành X, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 01, thôn 07, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông X có quen biết nhau qua sự mai mối của anh trai họ, sau đó vợ chồng tự tìm hiểu yêu nhau được 06 tháng thì quyết định kết hôn tại UBND xã Đam B’ri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 31/5/2012. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông X chơi cờ bạc, không quan tâm vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay,

không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên bà HN xin được ly hôn với ông X.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Kiều D , sinh ngày 25/8/2013, trong thời gian ly thân đến nay cháu Diễm do bà HN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà có nguyện vọng nhận nuôi con, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông X xác nhận trình bày của bà HN về việc tìm hiểu, yêu nhau và kết hôn là đúng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2018 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông nghi ngờ bà HN ngoại tình dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bà HN yêu cầu ly hôn ông X cũng đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Kiều D sinh ngày 25/8/2013, trong thời gian ly thân đến nay cháu Diễm do bà HN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, ông có nguyện vọng nhận nuôi con, không yêu cầu bà HN cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà HN và ông X được ly hôn với nhau. Về con chung đề nghị giao con chung Nguyễn Thị Kiều D , sinh ngày 25/8/2013 cho bà HN nuôi dưỡng, bà HN không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét và buộc bà HN phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà HN và ông X hôn tại UBND xã Đam B'ri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 31/5/2012, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 8/2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông X nghi ngờ vợ ngoại tình rồi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Tòa án đã hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng bà HN nhất quyết ly hôn và ông X cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà HN, xử cho bà HN và ông X được ly hôn với nhau.

[2] **Về con chung:** Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy, cháu Diễm là con gái rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ và chăm lo về thể chất, tâm sinh lý của người mẹ. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu Diễm được bà HN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường. Để không làm xáo trộn việc sinh sống và học tập, sinh hoạt của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 cần giao cháu Diễm cho bà HN trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, bà HN không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] **Về tài sản chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] **Về nợ chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Bà HN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*” của bà Nguyễn Thị HN, xử cho bà Nguyễn Thị HN và ông Nguyễn Thành X được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều D , sinh ngày 25/8/2013 cho Nguyễn Thị HN trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà HN không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị HN phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0005467 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Bà HN đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bà HN, ông X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/4/2019) để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã ĐamB ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn L

